TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/**2025/HNGĐ-ST
Ngày 09/6/2025
Về việc: "Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Long và ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Tiến T - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24/3/2025 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 22/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị O**, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Nông Văn T1**, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị O và anh Nông Văn T1 kết hôn với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn K, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến tháng 8 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm

vợ chồng không còn, tháng 3 năm 2025 chị Lê Thị O có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T1.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày: Nguyên nhân mâu thẫn là do trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không còn hợp nhau, anh T1 không tôn trọng gia đình nhà ngoại nên dẫn đến vợ chồng thường xuyễn xảy ra cãi vã, xích mích.... mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến tháng 10/2018 chị đã đi về nhà ngoại ở xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An sinh sống từ đó cho đến nay, hiện nay chị và anh T1 đã sống ly thân được gần 7 năm, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn chị và anh T1 được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Toà án nhân dân huyên Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T1.

- Về con chung: Chị Lê Thị O xác định có 01 người con chung là Nông Ngọc D, sinh ngày 27/7/2018. Quá trình giải quyết chị O có quan điểm nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị O xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Lê Thị O xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Lê Thị O có hộ khẩu thường trú hiện nay Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An và anh Nông Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị O và anh T1 kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn K, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cùng với gia đình nhà anh Nông Văn T1. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không còn hiểu nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn lòng tin vào nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Mâu thuẫn đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành.

Anh Nông Văn T1 làm lao động tự do, không có mặt tại địa phương thi thoảng về nhà khi được nghỉ lễ, tết và gia đình có việc. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh T1 vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự; riêng đối với bị đơn anh Nông Văn T1 không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị O và anh Nông Văn T1 kết hôn vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Do vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Lê Thị O được ly hôn với anh Nông Văn T1; giao cháu Nông Ngọc D, sinh ngày 27/7/2018 cho chị Lê Thị O là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung, về vay nợ chung: Chị Lê Thị O đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Lê Thị O đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T1 và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *"Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Nông Văn T1 nhiều lần nhưng anh T1 không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nông Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị O và anh Nông Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/11/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường to tiếng cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 3 năm 2025 chị Lê Thị O có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T1.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Lê Thị O và anh Nông Văn T1 có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của chị O và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị O được ly hôn với anh Nông Văn T1.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị O và anh Nông Văn T1 có 01 con chung là Nông Ngọc D, sinh ngày 27/7/2018.

Xét thấy, cháu Nông Ngọc D là con chung của chị Lê Thị O và anh Nông Văn T1 nên anh chị đều cùng phải có nghĩa và trách nhiệm đối với cháu. Tuy nhiên, do anh T1 không có mặt ở địa phương, quá trình giải quyết chị O có quan điểm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D và không yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Nông Ngọc D, sinh ngày 27/7/2018 cho chị Lê Thị O là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nông Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị O xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Lê Thị O xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị O được ly hôn với anh Nông Văn T1.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 01 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Nông Ngọc D, sinh ngày 27/7/2018 cho chị Lê Thị O là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nông Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001714, ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lê Thị O đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã L (Nơi ĐKKH);
- UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Chiến